

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Thủy văn - Thủy lực

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Văn Chiến

2. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 8D, ngõ 250/50 Kim Giang, Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phạm Văn Chiến Bộ môn Kỹ thuật sông và Quản lý thiên tai Khoa Kỹ thuật Tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0936893609;

E-mail: pchientvct_tv@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2010 đến năm 2019: Giảng viên tại Khoa Thủy văn và Tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy Lợi

Từ năm 2020 đến năm 2020: Giảng viên tại Khoa Kỹ thuật Tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy Lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại cơ quan: 02438522201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy Lợi

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 06 năm 2006, ngành: Thủy văn - Môi trường, chuyên ngành: Thủy văn - Môi trường

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 08 năm 2010, ngành: Kỹ thuật Xây dựng và Môi trường, chuyên ngành: Thủy lực môi trường

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 11 năm 2014, ngành: Khoa học Kỹ thuật, chuyên ngành: Thủy lực và vận chuyển bùn cát

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Công giáo Louvain, Vương quốc Bỉ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu dòng chảy, vận chuyển bùn cát và biến đổi hình thái trong kênh dẫn hồ với tỷ lệ của mô hình vật lý (trong phòng thí nghiệm).

- Nghiên cứu các đặc trưng thủy động lực của dòng chảy và địa hình lòng sông, hồ và vùng ngập nước sử dụng thiết bị đo sóng âm đa tần số kết hợp với các điều khiển bằng thông chính xác.

- Phát triển và ứng dụng mô hình toán thủy văn, thủy lực, vận chuyển bùn cát và lan truyền chất trong sông, hồ, vùng cửa sông và biển.

- Nghiên cứu mô phỏng thời gian lan truyền, trao đổi giữa nước sông và nước biển trong các vùng cửa sông ven biển.

- Nghiên cứu và phát triển các chương trình xử lý và giải đoán ảnh viễn thám (MODIS, LANDSAT, Sentinel-1, Sentinel-2) phục vụ quản lý rủi ro thiên tai (như nghiên cứu xây dựng bản đồ ngập nước, xói lở đường bờ, diễn biến xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 36 bài báo KH, trong đó 7 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo với chức danh giảng viên theo đúng các quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định tại Chương II Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

- Là giảng viên của trường Đại học Thủy lợi, tôi luôn (i) hoàn thành tốt các công việc giảng dạy ở cả bậc đại học và sau đại học, (ii) tham gia đào tạo các lớp chuyên đề về an toàn hồ đập, (iii) tích cực tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) ở mọi cấp (đã chủ trì 02 đề tài NCKH cấp cơ sở, đang chủ trì 01 đề tài Nafosted), (iv) tận tình hướng dẫn sinh viên NCKH và đã đạt được những giải thưởng cao (03 giải nhất NCKH sinh viên cấp Khoa hoặc Tiểu ban các năm 2017, 2019 và 2020).

- Tôi cũng tích cực tham gia hợp tác NCKH và đào tạo với các giáo sư nước ngoài như: GS. Drogoul Alexis (Viện công nghệ phát triển của Pháp tại Việt Nam), GS. Eric Deleersnijder và GS. Sandra Soares-Frazao (Đại học Công giáo Louvain, Vương quốc Bỉ). Tôi cũng là thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh Lê Hoàng Anh (Đại học Công giáo Louvain), thành viên hội đồng thẩm tra các nội dung nghiên cứu sau 2 năm của nghiên cứu sinh Insaf Draoui (Đại học Công giáo Louvain).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 5 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1								
2	2015-2016						30	30 / 51 / 45
3	2016-2017			1	5	165	30	195 / 353.65 / 270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1	4	300	60	360 / 596.9 / 270
5	2018-2019			2	3	292.5		292.5 /533.25 /270
6	2019-2020			2	1	97.5	90	187.5 / 402 /270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Vương Quốc Bỉ năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.0

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Duy Hùng		X	X		06/2016 đến 07/2017	Trường Đại học Thủy lợi	31/08/2017 - 1918/QĐ
2	Trần Hồng Thắng		X	X		12/2017 đến 07/2018	Trường Đại học Thủy lợi	03/07/2018 - 1304/QĐ
3	Lê Thị Tú Anh		X	X		08/2018 đến 04/2019	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019 - 2146/QĐ

4	Bùi Kim Ngọc		X	X		08/2018 đến 04/2019	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019 - 2146/QĐ
5	Lê Hữu Hoàng		X	X		08/2018 đến 06/2020	Trường Đại học Thủy lợi	(Đã bảo vệ ngày) 20/
6	Lê Đình Tý		X		X	06/2019 đến 06/2020	Trường Đại học Thủy lợi	Đã bảo vệ ngày 09/05

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu mô hình toán trung bình độ sâu mô phỏng xói cục bộ mố và trụ cầu Bến Thủy, Nghệ An	CN	Không có, cấp Cơ sở	1/1/2018 đến 31/12/2018	Nghiệm thu ngày 19/01/2019 Xếp loại KQ: Khá
2	Nghiên cứu xác định tỷ lệ phân lưu và thay đổi dòng chủ lưu khu vực cửa vào sông Đuống	CN	Không có, cấp Cơ sở	1/1/2019 đến 31/12/2019	Nghiệm thu ngày 13/01/2020 Xếp loại KQ: Khá

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	Numerical model for morphological change of a cross section in straight channels	3	Có	Proceedings of the Korea Society of Civil Engineers Conference			, 683-686	2009
2	Bedload sediment transport and morphological change in cross sections of straight open-channel	3	Có	Proceedings of the Korea Water Resources Association Conference			, 62-66	2010
3	Impact of floodplain vegetation on the morphological change in the straight open-channel flow	2	Có	Proceedings of the 8th International Symposium on Ecohydraulics, ISBN: 978-89-87898-40-7			, 2217-2224	2010
4	Multiscale modeling of a tidal estuary with a finite-element shallow-water model: application to salinity intrusion into the Mahakam delta (Indonesia)	8	Có	Proceedings of the 7th IAHR Symposium on River, Coastal and Estuarine Morphodynamics, ISBN: 978-7-89444-548-3		1	, 1068-1081	2011
5	Modelling of salinity distribution and water age in the Mahakam Delta, Indonesia	7	Có	Proceedings of the 4th International Conference on Estuaries and Coasts		1	, 120-127	2012

6	Preliminary results of a numerical model of suspended sediment in the Mahakam Delta, Indonesia	4	Có	Proceedings of the 4th international conference of the Application of Physical Modelling to Port and Coastal Protection, ISBN: 978-9-03-822008-6			, 259-260	2012
7	Flow in compound open-channels: Investigation of small-scale eddy viscosity variability using a Smagorinsky turbulence closure model	4	Có	Proceedings of the River Flow 2014, ISBN: 978-1-138-02674-2			, 171-178	2014
8	Simulation of flow in compound open-channel using a discontinuous Galerkin finite-element method with Smagorinsky turbulence closure	4	Có	Journal of Hydro-Environmental Research, ISSN: 1570-6443	ISI (IF=2.548, Q1) - ISI	10	8 , 4, 396-409	2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
9	Simulations of the flow in the Mahakam river-lake-delta system, Indonesia	8	Có	Environmental Fluid Mechanics, ISSN: 1573-1510	ISI (IF =1.605, Q2) - ISI	14	16 , 3, 603-633	2016
10	Modelling fine-grained sediment transport in the Mahakam land-sea continuum, Indonesia	6	Có	Journal of Hydro-Environmental Research, ISSN: 1570-6443	ISI (IF = 2.548, Q1) - ISI	7	13 , 103-120	2016

11	Áp dụng công cụ tích hợp phục vụ xây dựng bản đồ ngập lụt lưu vực sông Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn	2	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ Thủy lợi, ISSN: 1859-4255			33, 103-109	2016
12	A two-dimensional quasi model for simulating flow in open-channels	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			54, 3-10	2016
13	Parameters sensitivity analysis of a tidally-driven and wind-induced circulation model in the East Sea	1	Có	Proceedings of the Vietnam-Japan workshop 2016 on Estuaries, Coasts, and Rivers, ISBN: 978-604-73-4623-3			, 71-82	2016
14	Preliminary results of the flow in the Mekong river-lake-delta system	2	Có	Proceedings of the 8th Asia-Pacific Workshop on Marine Hydrodynamics in Naval Architecture, Ocean Technology and Constructions, ISBN: 978-604-913-486-9			, 151-158	2016

15	Simulations of tidally-driven and wind-induced circulation processes in the Southeast Asian Sea	1	Có	Proceedings of the 8th Asia-Pacific Workshop on Marine Hydrodynamics in Naval Architecture, Ocean Technology and Constructions, ISBN: 978-604-913-486-9			, 83-91	2016
16	A hydrodynamic/sediment model for simulating bedload sediment in the river	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			56, 128-135	2017
17	Moving boundary technique for two-dimensional finite element model, with application for simulating inundation processes in the lowland areas of the Mekong river system	2	Có	Proceedings of the International Symposium on Lowland Technology 2018, ISBN: 978-604-82-2483-7			, 1-8	2018
18	Modelling water flow in the Bac Hung Hai Irrigation System	6	Có	Proceedings of the International Symposium on Lowland Technology 2018, ISBN: 978-604-82-2483-7			, 1-8	2018

19	Numerical modelling of flow in the Tonle Sap by means of a discontinuous Galerkin finite-element model	8	Không	Proceedings of the International Symposium on Lowland Technology 2018, ISBN: 978-604-82-2483-7			, 1-13	2018
20	Mô phỏng sự thay đổi đặc trưng dòng chảy khi phát triển bãi ven sông thành khu đô thị: áp dụng cho khu bãi ven sông Cả, đoạn qua thành phố Vinh - Nghệ An	1	Có	Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên trường ĐHTL, ISBN: 978-604-82-2548-3			, 348-350	2018
21	Nghiên cứu mô phỏng xói cục bộ móng và trụ cầu Bến Thủy - Nghệ An	1	Có	Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên trường ĐHTL, ISBN: 978-604-82-2548-3			, 351-353	2018
22	Nghiên cứu đánh giá bồi lắng lòng hồ Đăk Uy, tỉnh Kon Tum theo phương pháp đo đạc hiện trường	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			64, 45-53	2019
23	Long-term coastline monitoring in the Tra Vinh province using Landsat images	2	Có	Proceedings of the 10th International Conference on Asian and Pacific Coasts, ISBN: 978-984-15-0291-0	Scopus		, 509-515	2019

24	Assessment of the water area in the lowland region of the Mekong River using MODIS EVI time series	2	Có	Proceeding of 6th International Conference on Computer Science, Applied Mathematics and Applications, ISBN: 978-3-030-38364-0	Scopus		, 197-207	2019
25	Inundation in the lower Mekong River using MODIS satellite imagery	2	Có	Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu cơ bản trong khoa học trái đất và môi trường - Những kết quả nghiên cứu mới, ISBN: 978-604-913-958-1			, 390-393	2019
26	Nghiên cứu xác định địa hình và các đặc trưng dòng chảy tại phân lưu sông Hồng - sông Đuống sử dụng thiết bị đo sóng âm	2	Có	Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên trường ĐHTL, ISBN: 978-604-82-2981-8			, 753-755	2019
27	Phương pháp xử lý mây và bóng mây theo thời gian cho ảnh Landsat 5/8 trên nền Google Earth Engine	4	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			67, 23-31	2019
28	Nghiên cứu đặc trưng thủy động lực dòng chảy lũ tại khu vực phân lưu: Áp dụng cho phân lưu sông Hồng - sông Đuống	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			67, 78-86	2019

29	Numerical simulation of hydrodynamic characteristics and bedload transport in cross sections of two gravel-bed rivers based on one-dimensional lateral distribution method	2	Có	International Journal of Sediment Research, ISSN: 1001-6279	ISI (IF=1.970, Q1) - ISI		35 , 2, 203- 216	2020
30	Numerical simulation of water renewal timescales in the Mahakam Delta, Indonesia	6	Có	WATER, ISSN: 2073-4441	ISI (IF=2.524, Q1) - ISI	1	12 , 4, 1017	2020
31	Ứng dụng mô hình phân bố theo phương ngang và quan hệ mực nước - lưu lượng để tính toán lưu lượng dòng chảy sông Lô tại trạm thủy văn Vĩnh Tuy, Hà Giang	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			68, 113- 119	2020
32	Nghiên cứu xác định diện tích ngập nước sử dụng ảnh Sentinel-1 trên nền Google Earth Engine: áp dụng cho tỉnh Đồng Tháp, Đồng bằng sông Cửu Long	1	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ Thủy lợi, ISSN: 1859-4255			59 , 59, 113- 120	2020
33	Ứng dụng mô hình MIKE URBAN mô phỏng ngập úng do mưa và giải pháp giảm thiểu tại khu đô thị mới tỉnh Bến Tre	3	Không	Tạp chí Tài nguyên nước, ISSN: 1859-3771			2, 43- 52	2020

34	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Google Earth Engine đánh giá tình hình hạn hán ở Bến Tre trong mùa khô giai đoạn 2016-2020 từ ảnh viễn thám Sentinel-2 và Landsat-8	4	Không	Tạp chí Khí tượng thủy văn, ISSN: 2525-2208			713, 47-55	2020
35	Nghiên cứu các chỉ số nhận biết nước từ ảnh Sentinel-2 trên nền Google Earth Engine: Áp dụng cho thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	1	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ Thủy lợi, ISSN: 1859-4255			60, 113-120	2020
36	Nghiên cứu đánh giá xu hướng biến động mưa và lưu lượng dòng chảy sông Lô, tỉnh Hà Giang	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, ISSN: 1859-3941			69, 86-94	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng): 1 năm

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)